### 3. Sự phát triển của phong trào yêu nước

#### 3.1 . Những phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX

Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ với nhiều hình thức đấu tranh khác nhau. Mỗi phong trào phản ánh một giai đoạn trong quá trình tìm kiếm con đường giành độc lập cho dân tộc:

* **Phong trào Cần Vương** (1885-1896): Phong trào do Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi phát động, nhằm kêu gọi hếu cần đứng lên chống Pháp dưới danh nghĩa "phò vua, cứu nước". Phong trào nhanh chóng lan rộng khắp các tỉnh Trung Kỳ và Bắc Kỳ, quy tụ nhiều sĩ phu và quân nhân yêu nước. Tuy nhiên, do tính chất phong kiến và thiếu một đường lối rõ ràng, phong trào dần bị dập tắt sau khi vua Hàm Nghi bị bắt(1888). Phong trào thể hiện tinh thần yêu nước của tầng lớp sĩ phu phong kiến chống lại thực dân Pháp nhưng thất bại do thiếu tổ chức và trang bị hiện đại (Lịch sử 8, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr. 126). Sự thất bại này cho thấy các cuộc khởi nghĩa dựa vào tầng lớp phong kiến đã không còn phù hợp với thời đại, khi mà thực dân Pháp đã có ưu thế về quân sự và kinh tế. Đồng thời, nó cũng đặt ra yêu cầu phải có một tổ chức lãnh đạo cách mạng mạnh hơn, có thể tập hợp sức mạnh của toàn dân.
* **Khởi nghĩa nông dân Yên Thế** (1884-1913): Dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám, phong trào duy trì suống 30 năm, trở thành cuộc kháng chiến lâu dài nhất chống thực dân Pháp. Nghĩa quân Yên Thế tận dụng địa hình rừng núi, tiến hành chiến tranh du kích gây nhiều khó khăn cho quân đối Pháp. Tuy nhiên, do không có sự hỗ trợ của các giai tầng khác và thiếu đồng bộ trong chiến lược, phong trào bị dâp tắt hoàn toàn khi Hoàng Hoa Thám bị sát hại vào năm 1913. Cuộc khởi nghĩa kéo dài gần 30 năm, cho thấy sức mạnh kháng cự của nông dân, tuy nhiên do thiếu sự liên kết với các phong trào khác và không có chiến lược toàn diện, nên cuối cùng cũng bị dập tắt (Lịch sử 8, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 131). Bài học rút ra là cần có sự phối hợp giữa các giai tầng khác nhau trong xã hội để tạo ra một phong trào cách mạng toàn diện.
* **Phong trào Đông Du** (1905-1909) Phan Bội Châu đề xướng con đường "cầu viện", tích cực gửi thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản du học với hy vọng tỬc lực xây dựng đội ngũ trộng dạy kiến thức tây hóa, chuẩn bị chấn hưng đất nước. Tuy nhiên, chính phủ Nhật nhanh chóng quay lưng, hợp tác với Pháp đàn áp phong trào, trục xuất các du học sinh Việt Nam, dẫn đến sự thất bại của Đông Du. (Lịch sử 8, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 143). Thất bại của Đông Du cho thấy rằng không thể chỉ dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài mà cần phải xây dựng lực lượng trong nước.
* **Phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục** (1907): Tập trung vào cải cách giáo dục, nâng cao dân trí, khích lệ tinh thần tự cường và ý thức về quốc gia dân tộc. Tuy nhiên, do nhắm vào lính vực văn hoá mà chưa có một chiến lược toàn diện, phong trào nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp(Lịch sử 8, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr. 134). Phong trào này để lại tác động lâu dài trong việc nâng cao nhận thức về tinh thần tự cường và giáo dục nhân dân, nhưng cũng cho thấy rằng việc cải cách ôn hòa không thể dẫn đến sự thay đổi căn bản.
* **Khởi nghĩa Yên Bái** (1930): Do Việt Nam Quốc dân Đảng tổ chức, mành dạn dặt lề kế hoạch lật đổ chính quyền thuộc địa. Tuy nhiên, do lực lượng yếu, thiếu sự chuẩn bị về tổ chức và không nhận được sự hậu thuẫn từ quần chúng, phong trào bị dâp tắt nhanh chóng (Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 65). Điều này đặt ra yêu cầu cần có một tổ chức cách mạng có nền tảng quần chúng vững chắc, không chỉ dựa vào bạo lực đơn thuần.

Nhìn chung, các phong trào yêu nước từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đều thể hiện tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Tuy nhiên, các phong trào này cũng có những ưu điểm và nhược điểm nhất định:

**Ưu điểm:**

* Khơi dậy tinh thần yêu nước mạnh mẽ trong quần chúng nhân dân, khẳng định quyết tâm đấu tranh chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp.
* Đa dạng về phương thức đấu tranh, từ vũ trang (Cần Vương, Yên Bái) đến cải cách ôn hòa (Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân), tạo cơ sở cho sự phát triển của phong trào yêu nước trong các giai đoạn sau.
* Góp phần nâng cao dân trí, phát triển ý thức tự cường và tinh thần dân tộc thông qua các hoạt động giáo dục và tuyên truyền.

**Nhược điểm:**

* Thiếu sự lãnh đạo thống nhất và một đường lối chiến lược rõ ràng, dẫn đến việc dễ bị thực dân Pháp đàn áp và dập tắt.
* Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các giai tầng trong xã hội, đặc biệt là chưa lôi kéo được sự tham gia mạnh mẽ của giai cấp công nhân và nông dân.
* Phụ thuộc vào sự giúp đỡ từ bên ngoài (như Nhật Bản trong phong trào Đông Du), trong khi chưa xây dựng được lực lượng nội tại vững mạnh.

**Bài học kinh nghiệm và nhu cầu cải thiện:** Những hạn chế của các phong trào trên đặt ra yêu cầu cần có một tổ chức cách mạng có sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất về tư tưởng và hành động, có cơ sở quần chúng rộng rãi và chiến lược đấu tranh phù hợp với hoàn cảnh lịch sử. Đó chính là tiền đề cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930 và sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

#### 3.2. Sự chuyển hướng sang con đường cách mạng vô sản

Sự thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX cho thấy rằng Việt Nam cần một tổ chức lãnh đạo cách mạng có đường lối khoa học, bền vững và phù hợp với tình hình thế giới. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Ái Quốc với tư duy cách mạng sáng suốt đã tìm ra con đường cứu nước mới, đó là đi theo con đường cách mạng vô sản, chịu ảnh hưởng từ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương vào năm 1930 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phong trào cách mạng Việt Nam.

Đảng Cộng sản Đông Dương ngay từ khi thành lập đã xác định đường lối cách mạng vô sản là con đường tất yếu để giải phóng dân tộc, đưa Việt Nam thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh yêu nước đã có sự thay đổi căn bản, từ các phong trào manh mún, thiếu tổ chức sang một phong trào cách mạng có tổ chức chặt chẽ, có chiến lược và mục tiêu rõ ràng.

Giai đoạn 1930-1945 là thời kỳ Đảng lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh dưới nhiều hình thức khác nhau, từ phong trào cách mạng 1930-1931, Xô Viết Nghệ Tĩnh, đến cao trào 1936-1939 và đặc biệt là phong trào cách mạng 1939-1945 dẫn đến thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Thắng lợi này không chỉ chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp tại Việt Nam mà còn đặt nền móng cho một nhà nước mới – nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau năm 1945, phong trào yêu nước tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhưng phải đối mặt với sự xâm lược trở lại của thực dân Pháp. Lúc này, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo toàn dân thực hiện kháng chiến toàn diện, kháng chiến lâu dài, vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Một loạt các chiến dịch quan trọng như Chiến dịch Việt Bắc (1947), Chiến dịch Biên giới (1950) đã chứng minh sự trưởng thành của cách mạng Việt Nam về cả quân sự và chính trị. Đây là những tiền đề quan trọng để Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II được triệu tập vào tháng 2/1951 nhằm tổng kết và đề ra chiến lược cho giai đoạn kháng chiến tiếp theo.

Sự thất bại của các phong trào trên cho thấy Việt Nam cần một tổ chức lãnh đạo cách mạng có đường lối khoa học và bền vững. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời năm 1930 đã đáp ứng được yêu cầu đó và dần dần lãnh đạo phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ hơn, tạo tiền đề cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Việc thành lập Đảng đánh dấu sự chuyển hướng từ các phong trào yêu nước mang tính tự phát sang một phong trào cách mạng có tổ chức, có đường lối rõ ràng, phù hợp với xu thế cách mạng thế giới.

Sau năm 1945, phong trào yêu nước tiếp tục phát triển dưới hình thức kháng chiến chống thực dân Pháp. Mặt trận Việt Minh đã thu hút đông đảo nhân dân tham gia vào các hoạt động cách mạng như tăng gia sản xuất, xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh chính trị để bảo vệ thành quả cách mạng.

**4. Đòi hỏi thực tiễn cách mạng**

### 4.1. Đòi hỏi từ tình hình trong nước

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách. Trong đó, nổi bật nhất là sự quay trở lại xâm lược của thực dân Pháp vào ngày 23/9/1945 tại Nam Bộ, khiến đất nước buộc phải bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Cuộc kháng chiến bùng nổ trong điều kiện cực kỳ khó khăn:

* **Về kinh tế**:
  + Hơn **2 triệu người** đã thiệt mạng do nạn đói khủng khiếp năm 1945, nguyên nhân chủ yếu do chính sách vơ vét lương thực của thực dân Pháp và phát xít Nhật (SGK Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 96-97).
  + Sản lượng lương thực năm 1945 giảm hơn **30% so với năm trước** do chiến tranh tàn phá và ruộng đất bị bỏ hoang (SGK Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011,tr. 96-97).
  + Ngành công nghiệp hầu như **đình trệ**, nhiều nhà máy bị phá hủy hoặc bỏ hoang, sản lượng giảm mạnh (SGK Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam,2011, tr. 96-97).
  + Ngân sách quốc gia **gần như trống rỗng**, khiến chính quyền cách mạng phải phát động phong trào “Tuần lễ vàng” để huy động tài chính từ nhân dân (SGK Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam,2011 ,tr. 96).
* **Về giáo dục**:
  + Khoảng **95% dân số** Việt Nam không biết đọc, biết viết, đặt ra thách thức lớn trong việc nâng cao dân trí và xây dựng chính quyền mới (SGK Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 96-97).
  + Chính phủ cách mạng phát động phong trào “Bình dân học vụ” nhằm xóa mù chữ cho nhân dân, huy động toàn xã hội tham gia vào giáo dục (SGK Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 99).
* **Về quân sự**:
  + Lực lượng vũ trang còn non trẻ, trang bị chủ yếu là vũ khí thô sơ, trong khi quân đội Pháp có vũ khí hiện đại và nhiều kinh nghiệm chiến đấu (SGK Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam,2014, tr. 121-122).
  + Phong trào “Nam tiến” được phát động để tăng cường lực lượng từ Bắc vào Nam, góp phần chống lại quân Pháp đang tiến chiếm Nam Bộ (SGK Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 100).
* **Về chính trị - xã hội**:
  + Hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập nhưng còn nhiều hạn chế, chưa thực sự vững chắc, trong khi các lực lượng phản động trong nước và bên ngoài vẫn tìm cách lật đổ chính quyền (SGK Lịch sử 11, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011,tr. 96).
  + Chính phủ cách mạng kêu gọi nhân dân đoàn kết, phát động phong trào “Đời sống mới” để nâng cao tinh thần tự lực, tự cường của toàn dân.

Trước những thách thức trên, đòi hỏi đặt ra là phải có một đường lối chiến lược phù hợp, điều chỉnh lại phương hướng lãnh đạo để đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng, củng cố chính quyền cách mạng và đảm bảo thắng lợi lâu dài của cuộc kháng chiến.

### 4.2. Đòi hỏi về sự tổ chức và lãnh đạo

Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng, một trong những vấn đề quan trọng đặt ra là cần có sự tổ chức chặt chẽ hơn về mặt lãnh đạo:

* **Củng cố vai trò của Đảng**:
  + Đảng Cộng sản Đông Dương cần phải điều chỉnh cơ cấu tổ chức, thống nhất tư tưởng và đổi mới phương thức lãnh đạo để phù hợp với tình hình mới.
  + Việc tổ chức các Hội nghị Trung ương để đưa ra các quyết sách chiến lược, lãnh đạo cuộc kháng chiến một cách hiệu quả hơn.
* **Thành lập một tổ chức chính trị mạnh**:
  + Để huy động sức mạnh toàn dân, cần thành lập các mặt trận đoàn kết như Mặt trận Việt Minh, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Liên Việt) nhằm tập hợp quần chúng tham gia kháng chiến (SGK Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 131).
* **Tăng cường tổ chức quân sự**:
  + Lực lượng vũ trang cần được tổ chức theo hướng chuyên nghiệp hóa, từ quân đội chủ lực đến các lực lượng địa phương và dân quân du kích, nhằm đáp ứng yêu cầu của chiến tranh nhân dân.
  + Quân đội nhân dân Việt Nam(Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân) chính thức được thành lập vào ngày 22/12/1944, dưới sự chỉ huy của Võ Nguyên Giáp, đánh dấu bước phát triển quan trọng của lực lượng kháng chiến (SGK Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014,tr. 111).
* **Xây dựng chính quyền cách mạng vững mạnh**:
  + Chính quyền cách mạng cần được củng cố từ trung ương đến địa phương, đảm bảo khả năng điều hành đất nước trong hoàn cảnh chiến tranh.
  + Phát động phong trào thi đua yêu nước để động viên nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, kháng chiến và sản xuất .

### 4.3. Đòi hỏi về đường lối kháng chiến

Dựa trên những yêu cầu thực tiễn nêu trên, đường lối kháng chiến cũng cần có sự điều chỉnh để phù hợp với tình hình mới:

* **Xác định rõ mục tiêu đấu tranh**:
  + Cuộc kháng chiến không chỉ nhằm đánh đuổi thực dân Pháp mà còn phải hướng đến xây dựng một đất nước độc lập, dân chủ và tiến bộ.
* **Thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện**:
  + Đưa ra chiến lược kháng chiến lâu dài, kết hợp giữa đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, đấu tranh kinh tế và văn hóa .

### 4.4. Kết luận

Những đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn cách mạng năm 1951 đã đặt ra nhiều thách thức to lớn đối với Đảng và nhân dân Việt Nam, đòi hỏi sự điều chỉnh chiến lược phù hợp để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Trước bối cảnh đó, Hội nghị toàn quốc lần thứ II của Đảng diễn ra với ý nghĩa quan trọng, không chỉ góp phần củng cố sự lãnh đạo của Đảng mà còn tạo ra bước ngoặt trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp. Những quyết sách được đưa ra tại hội nghị đã giúp định hướng rõ ràng hơn về tổ chức, lãnh đạo và phương pháp đấu tranh, từ đó phát huy sức mạnh của toàn dân, đưa cuộc kháng chiến tiến gần hơn đến thắng lợi. Hội nghị không chỉ đáp ứng những yêu cầu lịch sử trước mắt mà còn đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của cách mạng Việt Nam, góp phần đưa đất nước tiến bước vững chắc trên con đường giành độc lập, tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**5. Tình hình quốc tế**

### 5.1. Bối cảnh thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), thế giới bước vào thời kỳ **Chiến tranh Lạnh**, với sự đối đầu giữa hai phe tư tưởng đối lập:

* **Phe xã hội chủ nghĩa**: Do Liên Xô và Trung Quốc đứng đầu, ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
* **Phe tư bản chủ nghĩa**: Do Mỹ và các nước phương Tây lãnh đạo, tìm cách ngăn chặn sự mở rộng của chủ nghĩa cộng sản và bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa thực dân cũ.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam trở thành một điểm nóng trong cuộc đối đầu giữa hai phe. Cách mạng Việt Nam không chỉ là cuộc đấu tranh giành độc lập mà còn là một phần của làn sóng cách mạng trên toàn thế giới. Sự thay đổi trong tình hình quốc tế đã tạo ra những cơ hội và thách thức mới đối với cuộc kháng chiến chống Pháp.

**Lợi ích:**

* Tận dụng được sự ủng hộ và viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc.
* Nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình của các phong trào giải phóng dân tộc khác.

**Hạn chế:**

* Đối mặt với sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ vào Đông Dương.
* Nguy cơ bị các nước thực dân cũ và các thế lực phản động trong khu vực cô lập.

### 5.2. Sự ra đời của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và tác động đến Việt Nam

Một trong những sự kiện quan trọng nhất trong thời kỳ này là sự thành lập **Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1949)**. Sự kiện này có ý nghĩa lớn đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam:

* **Về chính trị**: Trung Quốc chính thức công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào tháng 1/1950, đặt nền móng cho mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa hai nước (Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr. 135-136).
* **Về quân sự**: Trung Quốc cung cấp viện trợ về vũ khí, huấn luyện quân đội và hỗ trợ chiến thuật, giúp Việt Nam chuyển từ chiến tranh du kích sang chiến tranh chính quy.
* **Về kinh tế**: Viện trợ kinh tế giúp Việt Nam duy trì cuộc kháng chiến trong bối cảnh bị Pháp phong tỏa.

**Lợi ích:**

* Củng cố thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế.
* Tạo cơ hội để Việt Nam học hỏi kinh nghiệm quân sự từ Trung Quốc.

**Hạn chế:**

* Phụ thuộc một phần vào sự viện trợ của Trung Quốc, có thể bị ràng buộc về chính sách đối ngoại.
* Một số quan điểm chiến thuật giữa hai nước có sự khác biệt, đôi khi gây khó khăn trong phối hợp tác chiến.

### 5.3. Sự can thiệp của Mỹ vào Đông Dương

Trong khi các nước xã hội chủ nghĩa hỗ trợ Việt Nam, Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào Đông Dương nhằm duy trì sự thống trị của thực dân Pháp:

* **Kế hoạch Marshall (1947)**: Mỹ cung cấp viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp nhằm giúp nước này duy trì thuộc địa ở Đông Dương (tức chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947) (Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr. 190).
* **Năm 1950**, Mỹ chính thức công nhận chính quyền Bảo Đại - một chính quyền bù nhìn do Pháp dựng lên, đồng thời tăng cường viện trợ quân sự cho quân đội Pháp tại Đông Dương (Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr. 136).
* **Đến năm 1954**, Mỹ đã tài trợ khoảng **80% chi phí chiến tranh của Pháp tại Đông Dương** (Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr. 185).

**Lợi ích (đối với Pháp và Mỹ):**

* Duy trì quyền kiểm soát tại Đông Dương, hạn chế sự mở rộng của chủ nghĩa cộng sản.
* Giúp Pháp có thêm nguồn lực để tiếp tục chiến tranh.

**Hạn chế (đối với Việt Nam):**

* Làm chiến tranh kéo dài, gây nhiều tổn thất cho nhân dân Việt Nam.
* Đẩy Việt Nam vào cuộc đối đầu trực tiếp với một cường quốc quân sự mạnh nhất thế giới.

Tuy nhiên, sự can thiệp của Mỹ cũng có tác động ngược khi thúc đẩy tinh thần kháng chiến của nhân dân Việt Nam, biến cuộc chiến thành một cuộc đối đầu giữa lực lượng cách mạng và chủ nghĩa thực dân - đế quốc, thu hút sự quan tâm của dư luận thế giới.

### 5.4. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

Cuộc kháng chiến của Việt Nam không đơn độc mà là một phần của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn cầu. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều quốc gia thuộc địa đã đứng lên đấu tranh giành độc lập:

* **Ấn Độ** giành độc lập từ Anh năm 1947.
* **Indonesia** tuyên bố độc lập khỏi Hà Lan năm 1945, sau đó kháng chiến và được công nhận vào năm 1949.
* **Triều Tiên** bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc, với miền Bắc theo chủ nghĩa xã hội và miền Nam do Mỹ bảo trợ.

Những thắng lợi này đã tạo động lực lớn cho Việt Nam, đồng thời thu hút sự quan tâm của dư luận quốc tế về phong trào giải phóng dân tộc tại Đông Dương .

### 5.5. Tác động của tình hình quốc tế đối với Đại hội II của Đảng

Tình hình quốc tế đã có ảnh hưởng sâu sắc đến quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (1951). Dựa trên những biến động toàn cầu, Đảng Cộng sản Đông Dương đưa ra những quyết sách chiến lược:

* **Chủ động liên minh với phe xã hội chủ nghĩa**, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc, để tranh thủ sự hỗ trợ về mọi mặt.
* **Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam**, tạo nền tảng chính trị vững chắc cho cuộc kháng chiến lâu dài.
* **Chuẩn bị cho giai đoạn chiến tranh chính quy**, tận dụng viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa để nâng cao sức mạnh quân sự .

**Tóm lại**, tình hình quốc tế thời kỳ này có ảnh hưởng quan trọng đến cuộc kháng chiến của Việt Nam. Những biến động trong cục diện toàn cầu đã mang đến cả cơ hội và thách thức, nhưng với đường lối đúng đắn, Đảng ta đã biết tận dụng tình thế để đưa cách mạng đến những thắng lợi quan trọng.

**6. NHU CẦU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG**

**6.1. Nhu cầu củng cố tổ chức Đảng**

**6.1.1. Mở rộng và phát triển tổ chức Đảng** Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương giữ vai trò lãnh đạo cách mạng nhưng cần có sự điều chỉnh để phù hợp với tình hình mới. Đến năm 1951, Đảng quyết định đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam nhằm khẳng định vai trò tiên phong của giai cấp công nhân và nông dân trong kháng chiến.

* Số lượng đảng viên tăng từ khoảng 5.000 người năm 1945 lên hơn 760.000 người vào năm 1951, phản ánh sự lớn mạnh của tổ chức Đảng. **(Nguồn: Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam).**

**6.1.2. Củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến** Đảng đặt ra nhiệm vụ lãnh đạo toàn dân thực hiện cuộc kháng chiến toàn diện, bao gồm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và ngoại giao. Đường lối "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh" được đề ra và quán triệt trong toàn Đảng.

**Lợi ích:**

* Củng cố sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng.
* Đảm bảo tính thống nhất trong tổ chức và chiến lược kháng chiến.

**Hạn chế:**

* Còn tồn tại những bất cập trong công tác tổ chức, kiểm soát nội bộ do số lượng đảng viên tăng nhanh. **(Nguồn: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia).**

**6.2. Nhu cầu xây dựng lực lượng quân sự**

**6.2.1. Phát triển Quân đội Nhân dân Việt Nam** Chiến tranh ngày càng ác liệt đòi hỏi Việt Nam phải có lực lượng quân sự mạnh. Đến năm 1951, Việt Nam đã thành lập ba đại đoàn chủ lực: Đại đoàn 308, 312, 316 với tổng quân số hơn 150.000 người.

**Lợi ích:**

* Tăng cường sức mạnh chiến đấu của quân đội Việt Nam.
* Chuyển từ chiến tranh du kích sang chiến tranh chính quy.

**Hạn chế:**

* Cần nhiều nguồn lực hơn để duy trì và phát triển quân đội. **(Nguồn: Lịch sử 9, NXB Giáo dục Việt Nam).**

**6.2.2. Kết hợp giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy** Việt Nam vẫn duy trì hình thức chiến tranh du kích, kết hợp với các đơn vị chủ lực nhằm đánh tiêu hao và tiêu diệt sinh lực địch.

**Lợi ích:**

* Phù hợp với điều kiện Việt Nam, tận dụng địa hình rừng núi.
* Làm tiêu hao sinh lực địch mà không cần đối đầu trực tiếp.

**Hạn chế:**

* Khó khăn trong việc duy trì chiến đấu lâu dài nếu không có hậu phương vững chắc. **(Nguồn: Lịch sử 10, NXB Giáo dục Việt Nam).**

**6.3. Nhu cầu huy động sức mạnh quần chúng**

**6.3.1. Phát động phong trào thi đua yêu nước** Nhằm huy động toàn dân vào cuộc kháng chiến, Đảng phát động phong trào thi đua yêu nước, thu hút hàng triệu nông dân, công nhân, trí thức tham gia.

**Lợi ích:**

* Đảm bảo sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân.
* Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

**Hạn chế:**

* Chưa thể huy động tối đa lực lượng do điều kiện kinh tế khó khăn. **(Nguồn: Lịch sử 8, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr. 140).**

**6.3.2. Cải cách ruộng đất và chính sách hậu phương** Cải cách ruộng đất được thực hiện từng bước để thu hút nông dân vào cách mạng, tạo động lực lớn cho kháng chiến.

**Lợi ích:**

* Đảm bảo nguồn nhân lực và vật lực cho kháng chiến.
* Củng cố hậu phương vững chắc.

**Hạn chế:**

* Một số sai lầm trong quá trình thực hiện đã gây ảnh hưởng tiêu cực. **(Nguồn: Lịch sử 11, NXB Giáo dục Việt Nam).**

**6.4. Nhu cầu phát triển kinh tế kháng chiến**

**6.4.1. Tự túc kinh tế trong kháng chiến** Do bị Pháp phong tỏa, Việt Nam buộc phải tự sản xuất lương thực và hàng hóa để duy trì cuộc kháng chiến.

**Lợi ích:**

* Đảm bảo nhu cầu hậu cần cho quân đội.
* Giảm sự phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài.

**Hạn chế:**

* Sản xuất còn nhỏ lẻ, thiếu cơ sở vật chất kỹ thuật. **(Nguồn: Lịch sử 10, NXB Giáo dục Việt Nam).**

**6.4.2. Hệ thống tài chính kháng chiến**

Việt Nam tổ chức hệ thống thuế khóa, phát hành tiền tệ để đảm bảo ngân sách kháng chiến.

**Lợi ích:**

* Đảm bảo tài chính cho chính quyền kháng chiến.
* Hạn chế tác động của kinh tế chiến tranh.

**Hạn chế:**

* Gặp nhiều khó khăn do kinh tế còn kém phát triển. **(Nguồn: Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020).**

**KẾT LUẬN**

Hội nghị Đảng lần II năm 1951 có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Trước yêu cầu cấp thiết của cuộc kháng chiến, Đảng đã đề ra các quyết sách đúng đắn để xây dựng lực lượng cách mạng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, phát triển quân đội và huy động sức mạnh toàn dân. Những quyết sách này đã đặt nền tảng vững chắc cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong những năm tiếp theo.

**Tài liệu tham khảo**

* 1. SGK lịch sử 9,NXB Việt Nam năm 2011: <https://online.pubhtml5.com/ptva/xppu/#p=17>
  2. SGK lịch sử 8,NXB Việt Nam năm 2011: <https://online.pubhtml5.com/zner/ydsb/#p=2>
  3. SGK lịch sử 10,NXB Việt Nam năm 2020 <https://igiaoduc.vn/Lich-su-10-NXB-Giao-duc-Viet-Nam-l7581.html>
  4. SGK lịch sử 12,NXB Việt Nam năm 2014: <https://hieusach24h.com/sach/lich-su-12/>